

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức trợ cấp, hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 ngày 3 ngày 2021 của Chính
phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc quy định mức trợ cấp, hỗ trợ cho một số đối tượng bảo trợ
xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 400/BC-VHXH ngày 25
tháng 6 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức trợ cấp, hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và mức trợ cấp, hỗ trợ

1. Đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật, không bao gồm đối tượng tự nguyện.

a) Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng

Đối tượng trên 24 tháng tuổi: bằng 05 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 ngày 3 ngày 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

Đối tượng dưới 24 tháng tuổi: bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

b) Mức hỗ trợ chi phí mai táng khi chết, được cơ sở trợ giúp xã hội đứng ra tổ chức mai táng theo hình thức hỏa táng bằng 70 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

2. Người cao tuổi đang sống tại cộng đồng thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng gồm: vợ, chồng, con và cháu ruột (cháu ruột của người cao tuổi mà người cao tuổi là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại) hoặc có nhưng những người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

a) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng

Người từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi: bằng 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Người từ đủ 80 tuổi trở lên: bằng 2,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

b) Mức hỗ trợ chi phí mai táng khi chết bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc trợ cấp, hỗ trợ

1. Người đã được hưởng chế độ trợ cấp nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội thì không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

2. Người được hỗ trợ chi phí mai táng quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Trích từ nguồn ngân sách tỉnh được cân đối, bố trí cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các huyện, thị xã, thành phố hàng năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.